

Kính gửi: Cục Thủy lợi

Căn cứ Công văn số 1006/TL-QH ngày 12/7/2024 của Cục Thủy lợi về việc chuẩn bị báo cáo Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm nước cho nông nghiệp và đời sống nhân dân ở Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam xin báo cáo như sau:

1. Hiện trạng và nhu cầu nước cho phát triển nông nghiệp, dân sinh

a) Hiện trạng và khả năng nguồn nước của vùng:

- Nguồn nước mặt: Tổng lượng nước về ĐBSCL hằng năm qua trạm Tân Châu và Châu Đốc dao động từ 300-500 tỷ m³, trung bình 393 tỷ m³.
- Nguồn nước mưa: Tổng lượng mưa năm trung bình của đồng bằng là 1.700mm, với lượng nước mưa sinh ra là 68 tỷ m³.
- Nguồn nước ngầm: Có trữ lượng tương đối lớn (lượng khai thác tiềm năng khoảng 86 triệu m³/ngày). Tuy nhiên, việc khai thác nước ngầm có thể dẫn tới sụt lún đất, ô nhiễm nguồn nước ngầm... nên nguồn nước này không được ưu tiên sử dụng.

Đánh giá chung, nguồn nước của đồng bằng khá dồi dào. Tuy nhiên, với đặc điểm phân bố không đều theo thời gian, lượng nước tập trung vào các tháng mùa mưa (trên 90%), vào các tháng mùa khô vẫn có khả năng xảy ra thiếu nước, đặc biệt là các khu vực ven biển.

b) Hiện trạng hạ tầng cấp nước:

- * Hiện trạng hạ tầng thủy lợi:
 - Để điều hòa nguồn nước cho vùng, cho đến nay toàn vùng đã hình thành khoảng 90.000km kênh các cấp, tạo thành hệ thống kênh rạch tương đối đều trải khắp đồng bằng (tỷ lệ khoảng 22,5 m/ha), phục vụ tốt cho việc cấp nước cũng như tiêu thoát nước.
 - Đã có gần 1.000 cống có khẩu độ từ 3m trở lên được đầu tư. Tùy từng khu vực mà các cống có các nhiệm vụ: cấp nước, tiêu nước, ngăn lũ, ngăn triều cường, trữ nước ngọt.
 - Về trạm bơm, toàn vùng có 2.902 trạm bơm cấp nước, chủ yếu là các trạm bơm loại nhỏ, bán kiên cố hoặc kiên cố, tập trung nhiều ở các tỉnh vùng thượng đồng bằng (An Giang, Đồng Tháp, Long An).
 - Để phục vụ cho việc cấp nước, tiêu nước, cũng như phòng chống lũ, ngập úng, toàn vùng đã hình thành 26.773 ô bao khép kín, với tổng chiều dài hơn 30.000

km. Các ô bao hiện nay được xây dựng theo các kênh cấp II, với quy mô nhỏ (thường nhỏ hơn 1.000ha).

- Về các hệ thống thủy lợi đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, đồng bằng có 15 hệ thống khép kín đồng bộ, phục vụ cho khoảng 2,5 triệu ha đất canh tác.

- Các công trình thủy lợi hiện tại có thể đảm nhận các nhiệm vụ tưới, tiêu, phòng, chống ngập lụt, ứng cho diện tích canh tác nông nghiệp hàng năm khoảng 5,393 triệu ha, bao gồm: lúa 4,189 triệu ha, cây ăn trái 325 ngàn ha, mặt nước NTTS 789 ngàn ha và các cây trồng khác gần 100 ngàn ha.

* Hiện trạng hạ tầng cấp nước sinh hoạt:

- Cấp nước đô thị: Các đô thị lớn đều có hệ thống cấp nước tập trung (Cần Thơ: 71.200 m³/ngày, Long Xuyên: 52.000 m³/ngày, Mỹ Tho: 50.000 m³/ngày, Vĩnh Long: 25.500 m³/ngày, Cà Mau có 20 giếng khoan cấp 19.000 m³/ngày; Bến Tre: 32.500 m³/ngày). Tổng công suất cấp nước cho các đô thị vùng ĐBSCL hiện nay khoảng 700 nghìn m³/ngày đêm. Dân số đô thị được cấp nước trung bình đạt khoảng 91,6% với tiêu chuẩn cấp nước, bình quân từ 100÷120 lít/người/ngày.

- Cấp nước nông thôn: Tổng số công trình đã đầu tư, đưa vào khai thác khoảng 3.928 công trình, công suất khoảng 950.000 m³/ngđ, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho 67% dân số nông thôn.

c) Ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước trong thời gian qua trong vùng:

Một số đợt hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài trong thời gian vừa qua xảy ra vào các năm 2015-2016, 2019-2020 và 2023-2024. Cụ thể ảnh hưởng như sau:

- Mùa khô năm 2015-2016: Hạn hán, xâm nhập mặn gây thiệt hại cho tổng diện tích lúa các vụ sản xuất cuối năm 2015 và năm 2016 là 405.000 ha; hoa màu 8.100 ha. Về năng suất lúa, tính riêng vụ Đông Xuân 2015-2016, năng suất giảm 3,9 tạ/ha (đạt khoảng 67,3 tạ/ha); sản lượng ước đạt 10.707.000 tấn, giảm 424.000 tấn so với Đông Xuân 2014-2015. Ngoài ra, nhiều diện tích lúa Hè Thu 2016 tại các tỉnh ven biển bị chậm thời vụ do đất bị nhiễm mặn, phải đợi có mưa rửa mặn để gieo cấy. Về cây ăn quả, tổng diện tích bị thiệt hại là 28.500 ha. Xâm nhập mặn cũng đã làm tổng diện tích tôm nuôi bị thiệt hại (chết, chậm lớn, dịch bệnh) khoảng 82.000 ha; nhiều vùng nuôi tôm - lúa bị chậm thời vụ; nhiều vùng nuôi không có nước ngọt phải chậm thả giống, nhiều hộ treo ao. Ngoài ra, các diện tích nuôi khác, như: cá tra, cá lóc,... cũng bị ảnh hưởng. Về nước sinh hoạt, tổng cộng có khoảng 210.000 hộ (6% số hộ nông thôn) bị ảnh hưởng thiếu nước sinh hoạt; nhiều trường học, trạm xá, khách sạn, cơ sở sản xuất bị thiếu nước ngọt. Tổng cộng thiệt hại do ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2015-2016 vào khoảng 7.900 tỷ đồng.

- Mùa khô năm 2019-2020: Xâm nhập mặn đã gây thiệt hại cho tổng diện tích lúa các vụ sản xuất cuối năm 2019 và năm 2020 là 58.400 ha, hoa màu 1.241 ha, cây ăn quả 25.120 ha và khoảng 17.203 ha nuôi trồng thủy sản. Về nước sinh hoạt, tổng cộng có khoảng 95.600 hộ gia đình nông thôn thuộc khu vực 7 tỉnh ven

biển Long An, Bến Tre, Kiên Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau bị ảnh hưởng thiếu nước sinh hoạt.

- Mùa khô năm 2023-2024: Có khoảng 1.581 ha lúa (Sóc Trăng 1.531 ha, Bến Tre 50 ha), 4.642 ha chanh và cây ăn trái khác tại Long An có nguy cơ giảm năng suất; ngoài ra, đã có 43 ha lúa tại tỉnh Sóc Trăng bị mất trắng. Các diện tích lúa bị ảnh hưởng chủ yếu do người dân xuống giống tự phát, không theo khuyến cáo khoanh vùng sản xuất an toàn. Về nước sinh hoạt, có khoảng 73.900 hộ (2,1% số hộ dân nông thôn) bị ảnh hưởng thiếu nước sinh hoạt tập trung tại 07 tỉnh (Long An, Bến Tre, Kiên Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau). Bên cạnh ảnh hưởng đến cây trồng và nước sinh hoạt nông thôn, đã xảy ra tình trạng sụt lún đất, sạt lở đất ven kênh, rạch, đường giao thông kết hợp kết hợp/ven bờ kênh tại các vùng ngọt hóa ở các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, ảnh hưởng đến đi lại và nhà cửa của người dân. Nguyên nhân do nguồn nước ngọt trong kênh bị cạn kiệt, làm mất tầng phản áp, không đủ giữ ổn định bờ kênh dẫn đến sụt, lún. Tổng cộng hiện có 901 điểm bị sụt lún, sạt lở đất với tổng chiều dài 23,4 km (Cà Mau 601 điểm, 15,9 km; Kiên Giang 310 điểm, 7,5 km).

d) Nhu cầu nước cho phát triển nông nghiệp, dân sinh giai đoạn 2021-2030 và dự báo sau 2030 của vùng:

Tổng nhu cầu nước cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp sinh hoạt và các hoạt động dùng nước khác đến năm 2030 là 24.718 triệu m³. Trong đó, phân theo các loại hình dùng nước như sau:

- Sản xuất nông nghiệp: 18.277 triệu m³.
- Chăn nuôi: 188 triệu m³.
- Thủy sản: 4.881 triệu m³.
- Sinh hoạt: 969 triệu m³.
- Công nghiệp: 403 triệu m³.

Sau năm 2030, dự báo nhu cầu nước không có biến động nhiều: nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi có xu thế giảm (do giảm diện tích sản xuất, giảm các loại cây trồng dùng nhiều nước, đặc biệt là diện tích lúa), nhu cầu nước cho sinh hoạt tăng chậm (do dân số có xu hướng giảm, nhưng tỷ lệ đô thị hóa tăng hơn), nhu cầu nước cho công nghiệp tăng (do xu thế tăng quỹ đất cho sản xuất công nghiệp).

2. Định hướng phát triển thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp, dân sinh của vùng trong quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng thời kỳ 2025-2030

- Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi trong Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 847/QĐ-TTg, ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ) bao gồm các giải pháp:

+ Nâng cấp, hoàn thiện các dự án thủy lợi lớn: NT-TT, BD, GC, BBT, NBT, NMT, QL-PH, OM-XN... Kết nối, chuyển nước giữa các HTTL (Bảo Định – Gò Công – Tân Trụ...) để tăng cường khả năng trữ nước, chuyển nước nội vùng, liên vùng và chủ động kiểm soát, điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

+ Đầu tư xây dựng các công trình kiểm soát nguồn nước tại các cửa sông Vàm Cỏ, Hàm Luông, tiếp tục nghiên cứu công trình kiểm soát nguồn nước đối với các cửa sông còn lại; Đầu tư hồ trữ nước ngọt phân tán chủ động ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước, XNM.

+ Nạo vét các kênh rạch lớn vùng ĐTM, TGLX để kết hợp trữ nước phục vụ dân sinh, sản xuất vào mùa khô và tiêu thoát lũ vào mùa mưa. Xây dựng hệ thống cống đầu kênh kết hợp kiểm soát mặn và lấy nước từ sông chính. Xây dựng các công trình điều tiết, chuyển nước, bổ sung nguồn nước cho khu vực Nam QL 1A tỉnh Bạc Liêu và vùng BĐCM.

+ Đầu tư xây dựng các công trình chống ngập úng cho TP Cần Thơ và các TP thuộc các tỉnh; củng cố hệ thống đê bao, bờ bao, cống bọng nhằm bảo vệ các khu dân cư và sản xuất nông nghiệp, nhất là vườn cây ăn trái.

+ Xây dựng các cống KSL dọc sông Tiền, sông Hậu để kiểm soát lũ vào vùng ĐTM và TGLX. Kiểm soát không gian thoát lũ.

+ Xây dựng hệ thống công trình chỉnh trị, phòng, chống sạt lở bờ sông đối với các sông lớn bảo vệ các thành phố, khu đô thị, khu dân cư tập trung.

- Danh mục các công trình/dự án và vốn đầu tư ước tính như sau:

TT	Tên dự án	Vị trí	Kinh phí (tỷ đồng)
I	Nâng cấp các hệ thống thủy lợi lớn, liên tỉnh phục vụ tưới, cấp nước và tiêu, thoát nước		
1	Các hệ thống Tân Trụ - Nhật Tảo, Bảo Định - Gò Công, Nam Nguyễn Văn Tiếp, Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre, Nam Mang Thít, Quản Lộ - Phụng Hiệp	Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng	4.800
II	Xây dựng các hệ thống cấp nước cho vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long		
1	Hệ thống cấp nước cho vùng Nam Cà Mau	Cà Mau, Bạc Liêu	8.000
2	Hệ thống cấp nước cho vùng Nam QL1 Bạc Liêu		3.000
III	Kiểm soát mặn, hỗ trợ tiêu thoát, phòng chống ngập úng vùng ven biển ĐBSCL		

TT	Tên dự án	Vị trí	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Hệ thống cống đầu kênh lấy nước dọc sông lớn	Sông Tiền, sông Hậu	6.000
IV	Các dự án kiểm soát lũ, thoát lũ, cấp nước vùng Thượng ĐBSCL		
1	Các cống dọc sông Hậu vùng TGLX	An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An	5.000
2	Các cống dọc sông Tiền vùng ĐTM		3.000
3	Hệ thống KSL tràn biên giới vùng ĐTM		1.200
4	Nạo vét hệ thống kênh trục		3.000
5	Các hồ chứa nước phân tán	Các tỉnh	14.193
	TỔNG CỘNG		48.193

- Đánh giá về khả năng đáp ứng nhu cầu nước cho nông nghiệp và sinh hoạt sau khi hoàn thành đầu tư các công trình/dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2030 theo quy hoạch:

+ Đối với tạo nguồn cấp nước sinh hoạt nông thôn: Cơ bản đảm bảo đủ nguồn cấp nước cho khu vực nông thôn. Tuy vậy, tỷ lệ dân số được cấp nước phụ thuộc vào việc đầu tư các công trình cấp nước tập trung nông thôn và phát triển hệ thống đường ống cấp nước.

+ Đối với nguồn cấp nước cho các đô thị: Nguồn nước của các đô thị được xác định sẽ lấy từ các sông chính (sông Tiền và sông Hậu), vị trí đặt nhà máy nằm trong ngưỡng an toàn, không bị mặn ảnh hưởng, do vậy về nguồn cấp sẽ được bảo đảm. Vấn đề là, từ nay đến năm 2030, phải triển khai xong các nhà máy cấp nước vùng (5 nhà máy), do Bộ Xây dựng chủ trì.

+ Đối với cấp nước cho sản xuất: Các giải pháp thủy lợi của Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, việc cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của vùng cơ bản đạt được tần suất cấp nước 85%, trừ một số khu vực quá xa nguồn nước, việc dẫn nước bằng các công trình thủy lợi đến sẽ làm giá nước cao, không thể phục vụ đại trà cho sản xuất được (một phần của khu vực Nam Cà Mau, ven biển Vĩnh Châu Sóc Trăng). Các khu vực không thể cấp nước bổ sung nước ngọt cần sử dụng nước tại chỗ (trữ nước mưa) hoặc tổ chức sản xuất theo mô hình nước mặn.

3. Định hướng các nhiệm vụ cần triển khai để đảm bảo nước cho phát triển nông nghiệp và đời sống nhân dân

- Các khu vực đủ nguồn cấp nước cần tiếp tục đầu tư hoàn thiện các hệ thống thủy lợi nội đồng để sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm.

- Kết hợp các giải pháp phi công trình để nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình: dự báo nguồn nước, trữ nước, chuyển đổi mùa vụ, chuyển đổi cây trồng sử dụng ít nước...

- Trong các trường hợp biến động nguồn nước trong tương lai, hoặc các trường hợp xảy ra thiên tai, thời tiết bất thường, hệ thống thủy lợi hiện nay sẽ không đủ khả năng bảo đảm việc cấp nước, cần có các công trình chủ động hơn trong điều tiết nguồn nước, đặc biệt là các công trình cấp vùng. Việc đầu tư, xây dựng các công lớn cửa sông cần được tính toán, đưa sớm vào kế hoạch đầu tư, ưu tiên trước là cống Vàm Cỏ, sau đó là các cống Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu.

- Có kế hoạch đầu tư các nhà máy nước tập trung cấp nước cho khu vực nông thôn, ưu tiên xây dựng đồng bộ với các công trình trữ nước.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các nhà máy cấp nước vùng để đảm bảo nguồn cấp nước cho khu vực đô thị.

Trên đây là báo cáo của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam chuẩn bị báo cáo Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm nước cho nông nghiệp và đời sống nhân dân ở Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng